

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 7 – 2024

V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu.

Ông Huỳnh Phước .

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14-5-2024, về việc “yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-6-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977. Địa chỉ: số A, đường X, Khóm C, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1965. Địa chỉ: số B đường Q, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L trình bày:

Bà L và ông H tự nguyện sống chung từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, đến khoảng đầu năm 2021 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nên không thể sống chung. Từ năm 2021 thì ông bà không còn chung sống cùng nhau.

Trong quá trình chung sống ông bà có một người con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 09/9/1993, hiện nay đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường.

Ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

Nay bà Nguyễn Thanh L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đặng Ngọc H1 là vợ chồng.

- Bị đơn ông Đặng Ngọc H trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15-7-2024: ông H và bà L chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà có một người con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 09/9/1993, hiện nay đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng công H đồng ý và không có ý kiến. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung là không có.

- Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh: Bị đơn thừa nhận các tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đặng Ngọc H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tình tiết, sự kiện các bên đương sự thừa nhận thì bà Nguyễn Thanh L và ông Đặng Ngọc H sống chung với nhau vào năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 nêu trên thì quan hệ hôn nhân của bà L và ông H không được pháp luật thừa nhận. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà L và ông H là vợ chồng là có căn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà L có một người con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 09/9/1993, hiện nay đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; ông bà xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản chung, nợ chung.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Đặng Ngọc H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Nguyễn Thanh L và ông Đặng Ngọc H là vợ chồng.

2/. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà L có một người con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 09/9/1993, hiện nay đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; ông bà xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản chung, nợ chung.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền bà L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001655 ngày 10/4/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí.

Ông Đặng Ngọc H không phải chịu án phí.

5/. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương